

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2021

V/v: tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thường Tín.

Bà Trịnh Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngân, là Thư ký viên chính của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thùy D, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Đ, phường H, thị xã A, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

- *Bị đơn*: Anh S, sinh ngày 16/5/1978; Quốc tịch: Hàn Quốc; Địa chỉ thường trú: Số 17-10, G, C, M, L. Địa chỉ hiện tại: 116, R, U, I, 1303 O (N, Q). “*vắng mặt*”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thùy D trình bày: Chị biết anh S vào khoảng tháng 6 năm 2019, qua một thời gian tìm hiểu, chị và anh S đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 ngày 09/7/2019. Gia đình chị có tổ chức lễ cưới cho anh, chị theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, do công việc nên anh S quay trở về Hàn Quốc. Thời gian đầu anh S và chị vẫn liên lạc bình thường qua điện thoại nhưng được ít ngày thì giữa chị và anh S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và văn hóa, lối sống, tính cách. Chị và anh S không còn quan tâm chăm lo đến nhau nên anh S đã có văn bản nhất trí ly hôn do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S vì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S cũng đã có ý kiến nhất trí ly hôn với chị và chị đã cung

cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến S nhất trí ly hôn và xin giải quyết vắng mặt.

Về con chung, tài sản và nghĩa vụ chung cùng các vấn đề khác: Chị và anh S đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh S không có người thân hay bạn bè ở Việt Nam nên anh S đã ủy quyền cho chị nhận thay anh S các tài liệu Tòa án gửi cho anh S trong quá trình giải quyết vụ án. Chị cam đoan sẽ gửi tài liệu của Tòa án cho anh S và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

Theo tài liệu của anh S cung cấp có xác nhận của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc, anh S trình bày: Anh S và chị Bùi Thùy D tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên. Khi anh trở về Hàn Quốc, thì giữa hai bên liên tục xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng trong suy nghĩ và tính cách dẫn tới không còn hạnh phúc và không thể chung sống được với nhau nên cả hai quyết định ly hôn. Do đó anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết việc ly hôn với chị Bùi Thùy D theo sự thuận tình ly hôn và bỏ qua các thủ tục phúc thẩm.

Anh S đề nghị được giải quyết vắng mặt và ủy quyền tất cả các thủ tục liên quan đến việc ly hôn cho chị Bùi Thùy D, anh S cam đoan không khiếu nại bất cứ điều gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có Công văn đề nghị anh S có quan điểm về việc anh có tiếp tục giữ nguyên quan điểm đồng ý xin ly hôn và xin giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền cho chị D thay mặt anh nhận kết quả giải quyết ly hôn. Chị D đã gửi công văn của Tòa án cho anh S, đến nay anh S chưa có ý kiến thay đổi quan điểm như đã trình bày.

Người làm chứng là ông Bùi Văn K (bố đẻ chị Bùi Thùy D) trình bày : Chị D và S yêu thương, kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND thị xã A, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, anh S trở lại Hàn Quốc, thời gian đầu chị D và anh S liên lạc bình thường, sau đó thấy cả hai ít liên lạc và mỗi lần liên lạc hay thường xuyên cãi nhau và đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị D và anh S, gia đình ông có biết và cũng đã nhiều lần khuyên bảo chị D nhưng không có kết quả, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh S. Ông xác định chị D và anh S không có con chung, tài sản chung, nợ chung, ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp hai bên gia đình

Ủy ban nhân dân xã thị xã A cung cấp: Ngày 09/7/2019, Ủy ban nhân dân thị xã A thực hiện việc đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Bùi Thùy D và anh S theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Bùi Thùy D và anh S đều đủ năng lực hành vi dân sự và việc kết hôn là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai

của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thùy D. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Bùi Thùy D được ly hôn anh S. Về con chung: Chị D và anh S không có con chung nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng nông nghiệp và công sức: Chị D và anh S không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Bùi Thùy D có đơn xin ly hôn với anh S, quốc tịch Hàn Quốc. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Hưng Yên cấp cho chị D và anh S ngày 09/7/2019 và kết quả xác minh tại UBND thị xã A thì quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp. Anh chị đều công nhận sau khi anh S trở lại Hàn Quốc vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến mỗi lần liên lạc đều to tiếng nên đã không còn quan tâm chăm lo đến nhau do đó không thể chung sống được với nhau. Sự thừa nhận của anh chị phù hợp với thời gian quen biết trước khi kết hôn cũng như thời gian chung sống của vợ chồng do đó có căn cứ xác định đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc chị D và anh S đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thùy D và anh S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Chị D và anh S đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 55; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thùy D.

[1] Quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Bùi Thùy D và anh S thuận tình ly hôn.

[2] Án phí: Chị Bùi Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000334 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thùy D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND thị xã A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Quang Tú**

